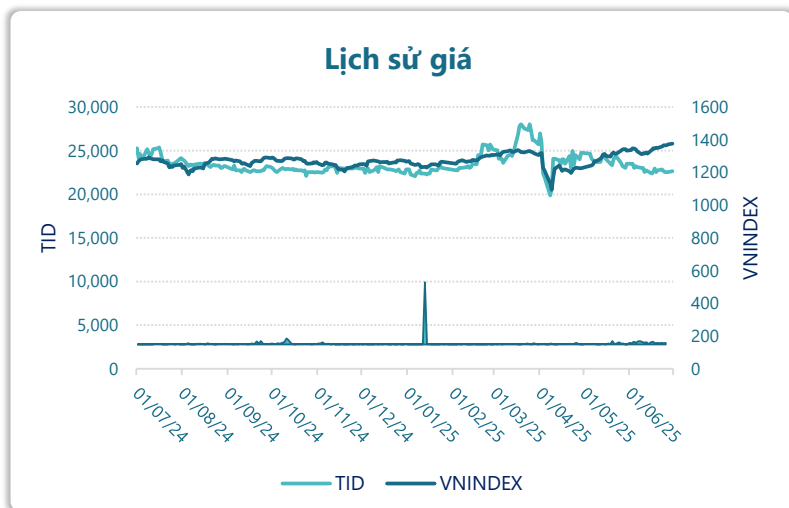


CTCP Tổng Công ty Tín Nghĩa (UPCOM: TID)



Thông tin giao dịch	30/06/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	23,600
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	28,023
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	19,866
SL cổ phiếu LH	200,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	6,605
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	4,720
P/E	6.5
EPS	3,652

DT thuần

Q2/25

3,558

tỷ VNĐ

QoQ: ▼725 | -16.9%

YoY: ▲ 565 | 18.9%

LN sau thuế

Q2/25

293

tỷ VNĐ

QoQ: ▼16.0 | -5.3%

YoY: ▲ 160 | 120%

Tỷ suất lãi EBIT

Q2/25

12.0%

+/- YoY: ▲ 5.0%

DT thuần

6T 2025

7,841

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 2,068 | 35.8%

LN sau thuế

6T 2025

601

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 425 | 242%

ROE

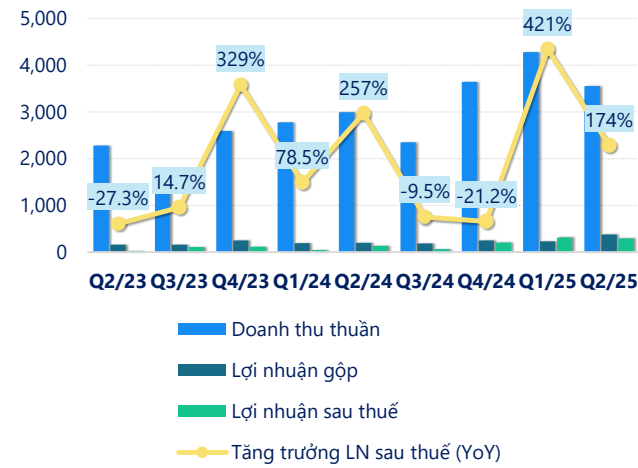
Q2/25

16.5%

+/- YoY: ▲ 8.4%

tỷ VNĐ

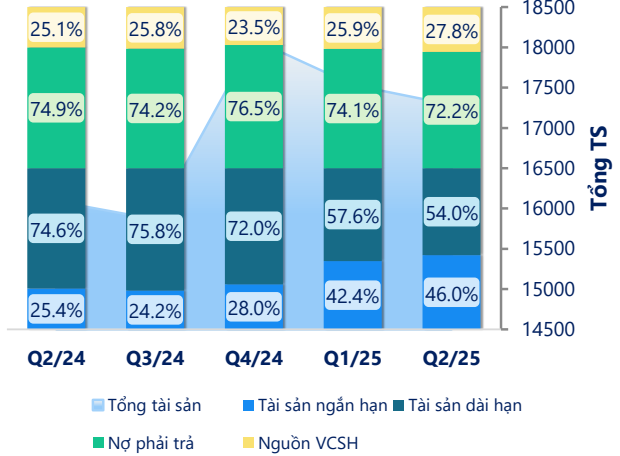
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

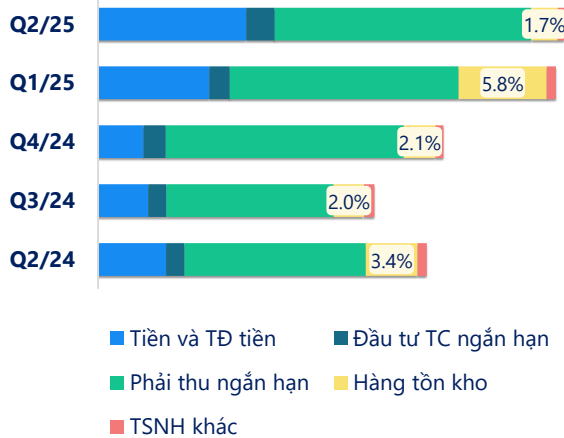
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



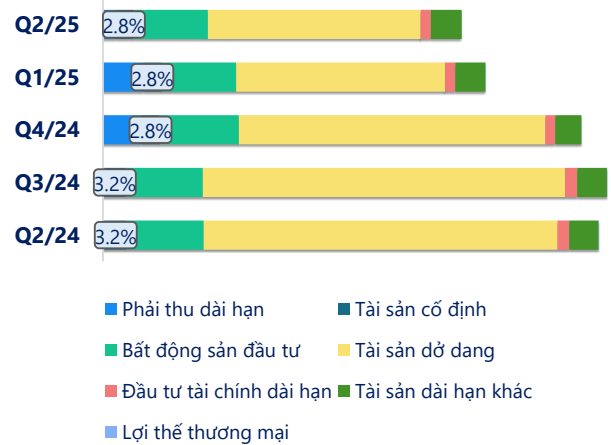
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

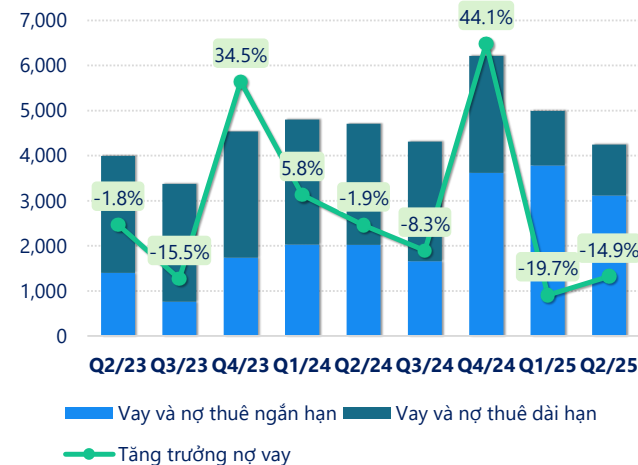
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

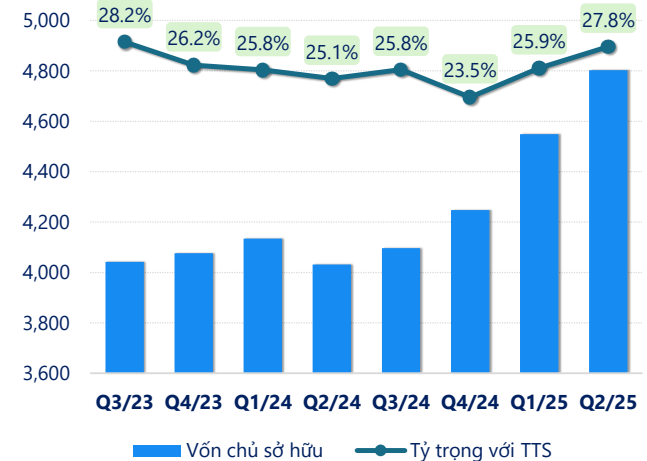
Nợ vay



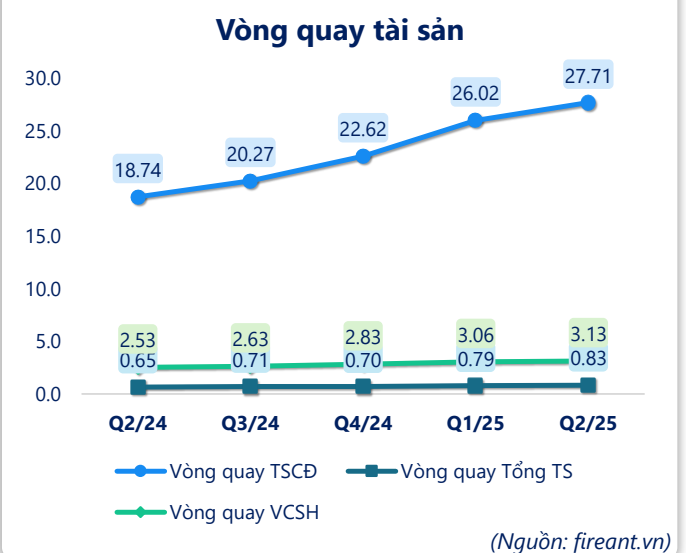
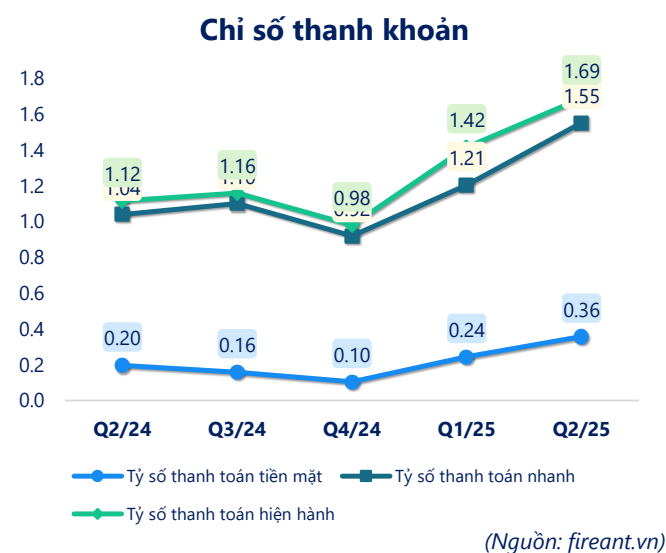
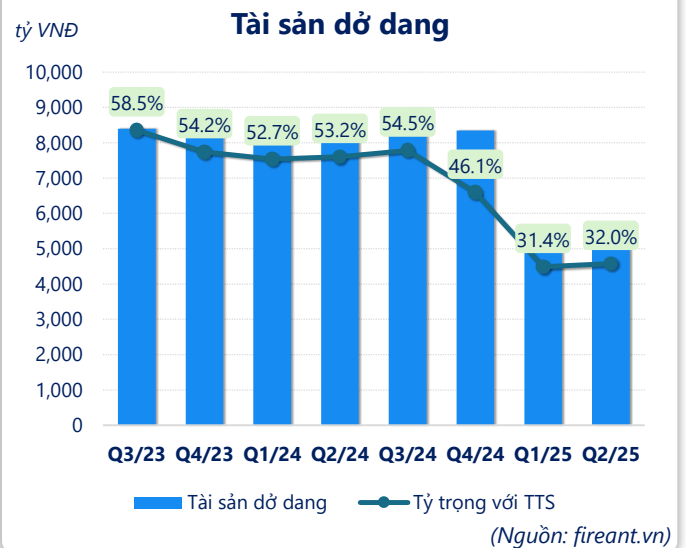
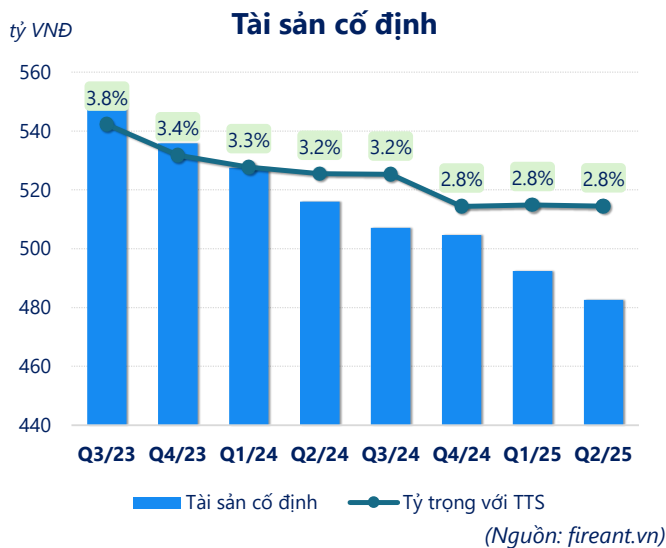
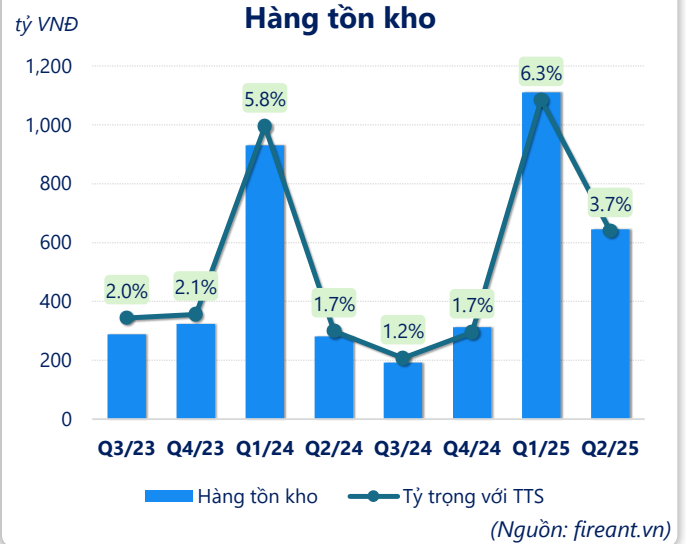
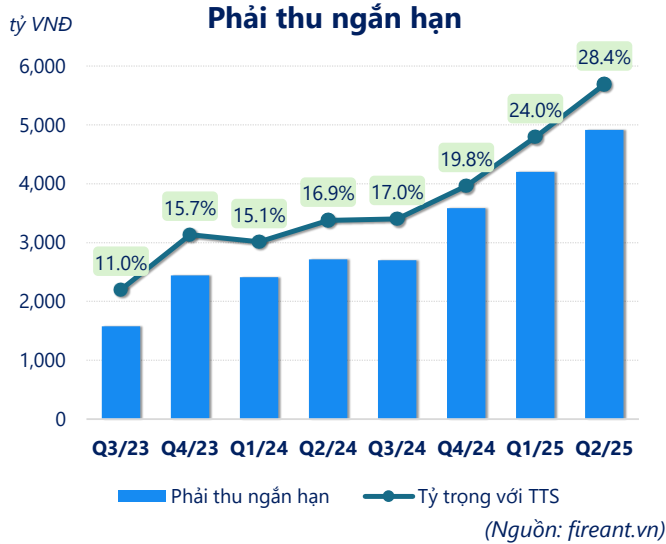
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)



CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25
Tổng tài sản	16,090	15,865	18,095	17,535	17,288
Tài sản ngắn hạn	4,088	3,835	5,069	7,443	7,958
Tiền và tương đương tiền	720	525	541	1,282	1,685
Đầu tư tài chính ngắn hạn	304	358	559	758	680
Phải thu ngắn hạn	2,715	2,700	3,587	4,203	4,917
Hàng tồn kho	281	192	312	1,110	645
Tài sản ngắn hạn khác	68.0	59.6	70.0	89.5	31.6
Tài sản dài hạn	12,002	12,031	13,026	10,091	9,330
Phải thu dài hạn	52.0	30.2	1,043	1,056	303
Tài sản cố định	516	507	505	492	483
Bất động sản đầu tư	1,870	1,849	2,149	1,967	1,943
Tài sản dở dang	8,564	8,645	8,346	5,510	5,536
Đầu tư tài chính dài hạn	282	285	269	266	262
Tài sản dài hạn khác	718	713	713	800	803
Lợi thế thương mại	0.97	0.73	0.49	0.24	0
Nợ phải trả	12,058	11,769	13,848	12,986	12,485
Nợ ngắn hạn	3,665	3,309	5,171	5,255	4,712
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,023	1,659	3,615	3,784	3,118
Phải trả người bán ngắn hạn	150	147	181	314	132
Nợ dài hạn	8,393	8,460	8,676	7,731	7,774
Vay và nợ thuê dài hạn	2,684	2,655	2,601	1,210	1,131
Nguồn vốn chủ sở hữu	4,032	4,096	4,247	4,548	4,803
Vốn chủ sở hữu	4,032	4,096	4,247	4,548	4,803
Vốn điều lệ	2,000	2,000	2,000	2,000	2,000
Kinh phí và quỹ khác	0.08	0.08	0.08	0.08	0.08

(Nguồn: fireant.vn)